

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, thực hiện
dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư, bao gồm công tác quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (gọi tắt là PPP) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố.

2. Các nhiệm vụ, quyền hạn không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Đối với các dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư thì không áp dụng các quy định liên quan đến lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tại Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn

1. Công tác phối hợp quản lý, thực hiện dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức do pháp luật quy định.

2. Việc lấy ý kiến trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư dự án được thực hiện như sau:

a) Cơ quan lấy ý kiến phải xác định rõ nội dung cần lấy ý kiến, gửi đầy đủ hồ sơ, nội dung lấy ý kiến phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được lấy ý kiến, phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

b) Các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời rõ ràng, cụ thể, nêu rõ chính kiến về từng vấn đề được lấy ý kiến thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; đảm bảo đúng thời gian quy định.

Nếu cơ quan được lấy ý kiến trả lời không rõ hoặc không trả lời đúng thời gian quy định, cơ quan lấy ý kiến tiếp tục thực hiện thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo. Cơ quan góp ý thẩm định chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh (nếu có) trong việc trả lời không rõ ràng hoặc không trả lời đúng thời gian quy định.

c) Cơ quan lấy ý kiến thực hiện tổng hợp các nội dung của các cơ quan góp ý thẩm định trong báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố. Cơ quan góp ý thẩm định chịu trách nhiệm về nội dung có ý kiến.

d) Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, việc lấy ý kiến, phản hồi lấy ý kiến thực hiện theo kế hoạch thẩm định được duyệt.

Nguyên tắc của việc lấy ý kiến, phản hồi lấy ý kiến được thực hiện theo điểm a, b và c khoản 2 điều này.

3. Chế độ hợp trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị tuân thủ đúng Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Các sở, ban, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan trong thẩm quyền cho phép đến đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án (gồm cả cơ quan nhà nước và nhà đầu tư) để phục vụ tốt công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP.

Điều 4. Cơ quan chuyên môn đối với các ngành, lĩnh vực đầu tư công theo phương thức PPP trên địa bàn Thành phố

Các cơ quan chuyên môn đối với các ngành, lĩnh vực đầu tư công theo phương thức PPP được quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP được xác định như sau:

1. Cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP (gọi tắt là Cơ quan chuyên môn PPP):

a) Sở Xây dựng đối với dự án thuộc lĩnh vực: các hoạt động giao thông; cấp nước, thoát nước; quy hoạch; công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị; hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.

b) Sở Tài chính đối với dự án thuộc lĩnh vực: quốc phòng; an ninh và trật tự; tài chính, ngân hàng; các hoạt động cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp

có thẩm quyền; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

c) Sở Công Thương đối với dự án thuộc lĩnh vực: các hoạt động công nghiệp; thương mại.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với dự án thuộc lĩnh vực: môi trường, tài nguyên; các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, phòng chống thiên tai và thủy sản; cơ sở hỗ trợ hoạt động nông dân.

đ) Sở Y tế đối với dự án thuộc lĩnh vực: y tế, dân số và gia đình; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở chăm sóc người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; cơ sở trợ giúp xã hội khác.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo đối với dự án thuộc lĩnh vực: giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp.

g) Sở Văn hóa và Thể thao đối với dự án thuộc lĩnh vực: văn hóa, thông tin; thể dục, thể thao; phát thanh, truyền hình, thông tin; kho tàng;

h) Sở Khoa học và Công nghệ đối với dự án thuộc lĩnh vực: khoa học, công nghệ; các hoạt động viễn thông; công nghệ thông tin; bưu chính.

i) Sở Du lịch đối với dự án thuộc lĩnh vực: các hoạt động du lịch.

k) Sở Nội vụ đối với dự án thuộc lĩnh vực: đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; nhà lưu trú cho người lao động; xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình ghi công liệt sĩ; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp; cơ sở hỗ trợ hoạt động thanh thiếu niên, phụ nữ.

2. Các Ban quản lý chuyên ngành theo phương thức PPP (gọi tắt là Ban quản lý chuyên ngành PPP):

a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Thành phố Hồ Chí Minh (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án giao thông khu vực và chuyên ngành nông nghiệp của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông và dân dụng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Bình Dương (trước sắp xếp) đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông, trừ đường sắt, đường sắt đô thị quy định điểm b khoản 2 Điều này.

b) Ban Quản lý đường sắt đô thị đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông: đường sắt, đường sắt đô thị.

c) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, Ban Quản lý dự án giao thông khu vực và chuyên ngành nông nghiệp của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương (trước sắp xếp) đối với dự án thuộc lĩnh vực: bảo vệ môi trường; các hoạt động kinh tế (cấp nước, thoát nước; quy hoạch; công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị; nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản; công nghiệp; khu công nghiệp và khu kinh tế; thương mại).

d) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông và dân dụng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương (trước sắp xếp) đối với dự án thuộc lĩnh vực: y tế, dân số và gia đình; giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp; xã hội; văn hóa, thông tin; khoa học, công nghệ; thể dục, thể thao; phát thanh, truyền hình, thông tin; các hoạt động kinh tế (kho tàng; bưu chính; du lịch; tài chính, ngân hàng; viễn thông; công nghệ thông tin; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã); hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Trường hợp dự án liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau thuộc phụ trách, quản lý từ 02 cơ quan trở lên theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Cơ quan chuyên môn PPP, Ban quản lý chuyên ngành PPP được xác định theo ngành, lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng mức đầu tư dự án theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Luật Đầu tư công.

CHƯƠNG II

LẬP, THẨM ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Điều 5. Điều kiện, trình tự chuẩn bị dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất

1. Sở Tài chính là đơn vị đầu mối tiếp nhận văn bản đề xuất thực hiện dự án PPP theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc phối hợp với Sở Tài chính:

a) Trong thời gian 01 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ đề xuất của Nhà đầu tư, Sở Tài chính căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan.

b) Các cơ quan được lấy ý kiến:

- Sự cần thiết đầu tư: Cơ quan chuyên môn PPP;
 - Phù hợp với ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật PPP; có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án thuộc ngành, lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;
 - Không trùng lặp với dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Ban Quản lý chuyên ngành PPP;
 - Có lợi thế so với các hình thức đầu tư khác căn cứ các yếu tố so sánh về chi phí chuẩn bị đầu tư; khả năng thu hút nguồn vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý từ nhà đầu tư; khả năng thực hiện dự án và nghĩa vụ hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính. Trong trường hợp áp dụng Hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, thì không thực hiện đánh giá nội dung này;
 - Không trùng với dự án PPP đang được cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc đã chấp thuận nhà đầu tư khác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính; Ban Quản lý chuyên ngành PPP;
 - Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Ủy ban nhân dân cấp xã;
- c) Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tài chính (kèm theo đầy đủ hồ sơ). Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan có liên quan, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố văn bản trả lời cho nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP;
- d) Nguyên tắc thực hiện lấy ý kiến và phản hồi ý kiến theo quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 3 của Quy định này.

3. Cơ quan chuyên môn PPP theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quy định này chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, đơn vị liên quan và nhà đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện công tác phối hợp với các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan trong quá trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

1. Nguyên tắc xác định đơn vị chuẩn bị dự án PPP trong trường hợp do cơ quan nhà nước lập:

a) Cơ quan chuyên môn PPP đối với các dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

b) Ban quản lý chuyên ngành PPP đối với các dự án không thuộc điểm a khoản 1 Điều này (đối với các dự án đề xuất chủ trương đầu tư).

2. Việc giao nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 5 quy định này.

3. Sở Tài chính là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao nhiệm vụ cho đơn vị chuẩn bị dự án để lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

Điều 7. Thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (không bao gồm dự án BT)

1. Nhiệm vụ thẩm định:

a) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố: Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng thẩm định, do Sở Tài chính làm cơ quan thường trực.

b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố: Sở Tài chính làm cơ quan thẩm định.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc phối hợp thẩm định

Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp, có ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tương ứng với các nội dung thẩm định theo Mẫu số 03 (Mẫu thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP, Báo cáo đề xuất chủ trương dự án PPP) Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 243/2025/NĐ-CP:

- Tính cần thiết phải đầu tư dự án: Cơ quan chuyên môn PPP;

- Sự phù hợp với ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật PPP; có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án thuộc ngành, lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội: Cơ quan chuyên môn PPP; Sở Tài chính;

- Không trùng lặp với dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Ban Quản lý chuyên ngành PPP;

- Lợi thế của việc đầu tư dự án theo phương thức PPP so với các hình thức đầu tư khác căn cứ các yếu tố so sánh về chi phí chuẩn bị đầu tư; khả năng thu hút nguồn vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý từ nhà đầu tư; khả năng thực hiện dự án và nghĩa vụ hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

- Khả năng bố trí vốn nhà nước trong trường hợp dự án có nhu cầu sử dụng vốn nhà nước: Sở Tài chính;

- Sự phù hợp của dự án với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Sự phù hợp của dự án với Luật PPP, Nghị định số 243/2025/NĐ-CP, quy định khác của pháp luật có liên quan đến lĩnh vực đầu tư của dự án: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Tư pháp;

- Sự phù hợp của dự án với các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có): Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tư pháp;

- Sự đáp ứng đối với các điều kiện áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu theo quy định của pháp luật (nếu có): Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

- Sự phù hợp của phương án chia sẻ phần giảm doanh thu (nếu có): Cơ quan chuyên môn PPP;

- Khả năng cân đối chi phí xử lý rủi ro trong phạm vi nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, biện pháp bảo đảm cân đối ngân sách nhà nước trong trường hợp chi trả, căn cứ ý kiến của cơ quan tài chính cấp tương ứng (nếu có): Sở Tài chính;

- Mục đích sử dụng phần vốn: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

- Tiến độ bố trí vốn trong kế hoạch hằng năm: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

- Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong phạm vi tổng số vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua và Thủ tướng Chính phủ giao cho bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong giai đoạn trung hạn thực hiện dự án và hạn mức vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của giai đoạn sau theo quy định tại Luật Đầu tư công; tổng số vốn đầu tư công trong kế trung hạn nguồn ngân sách nhà nước và số tăng thu hằng năm của ngân sách nhà nước (nếu có) được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định: Sở Tài chính;

- Phần vốn phải bố trí theo tiến độ hợp đồng để thanh toán cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP trong trường hợp dự án áp dụng loại hợp đồng BTL, BLT dự kiến thực hiện vượt quá phạm vi 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp: Sở Tài chính;

- Nguồn thu và khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư: Cơ quan chuyên môn PPP;

- Thời gian hoàn vốn và thời hạn hợp đồng dự án: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

- Tính hợp lý trong việc phân chia trách nhiệm của các bên trong quá trình triển khai dự án và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, bao gồm rủi ro đối với ngân sách của trung ương và địa phương, khả năng chi trả của cộng đồng người sử dụng sản phẩm, dịch vụ công của dự án: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

- Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (nếu có): Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Tư pháp.

3. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tài chính lấy ý kiến các cơ quan khác có liên quan ngoài các cơ quan nêu tại khoản 2 Điều này.

4. Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, thành viên Hội đồng thẩm định thuộc các cơ quan trên có trách nhiệm có ý kiến thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan cử thành viên tham gia theo các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều này. Đối với các thành viên Hội đồng thẩm định không thuộc các cơ quan được nêu tại khoản 2 Điều này, chức năng nhiệm vụ thẩm định căn cứ theo Kế hoạch thẩm định được phê duyệt.

Điều 8. Thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án BT (không bao gồm dự án BT không yêu cầu thanh toán)

1. Nhiệm vụ thẩm định:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc phối hợp thẩm định:

Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp, có ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 257/2025/NĐ-CP:

- Điều kiện lựa chọn dự án để đầu tư theo phương thức PPP quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật PPP:

- + Sự cần thiết đầu tư: Cơ quan chuyên môn PPP;

- + Phù hợp với ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật PPP này; có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án thuộc ngành, lĩnh

vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

+ Không trùng lặp với dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Ban Quản lý chuyên ngành PPP;

+ Có lợi thế so với các hình thức đầu tư khác căn cứ các yếu tố so sánh về chi phí chuẩn bị đầu tư; khả năng thu hút nguồn vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý từ nhà đầu tư; khả năng thực hiện dự án và nghĩa vụ hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

+ Khả năng bố trí vốn nhà nước trong trường hợp dự án có nhu cầu sử dụng vốn nhà nước hoặc có khả năng bố trí nguồn ngân sách nhà nước, quỹ đất thanh toán trong trường hợp dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất, loại hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Căn cứ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật PPP:

+ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân cấp xã;

+ Quy định của Luật PPP, Nghị định số 243/2025/NĐ-CP, quy định khác của pháp luật có liên quan đến lĩnh vực đầu tư của dự án: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

+ Các văn bản pháp lý khác có liên quan: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Tư pháp.

- Yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của công trình dự án BT. Việc thẩm định các nội dung về phương án thiết kế sơ bộ, kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan: Cơ quan chuyên môn PPP; Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan chuyên môn về xây dựng;

- Sơ bộ tổng mức đầu tư công trình dự án BT được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng trên cơ sở phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của công trình dự án BT: Cơ quan chuyên môn về xây dựng;

- Phương thức thanh toán cho nhà đầu tư đối với dự án BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, gồm những nội dung: nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (trường hợp thanh toán từ nguồn vốn đầu tư công); vị

trí, diện tích của quỹ đất, tài sản công dự kiến đầu giá (trường hợp thanh toán từ nguồn thu được sau đầu giá): Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Phương thức thanh toán cho nhà đầu tư đối với dự án BT thanh toán bằng quỹ đất, gồm những nội dung: vị trí, diện tích, giá trị dự kiến của quỹ đất thanh toán: Sở Nông nghiệp và Môi trường;

3. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tài chính lấy ý kiến các cơ quan khác có liên quan ngoài các cơ quan nêu tại khoản 2 Điều này.

4. Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, thành viên Hội đồng thẩm định thuộc các cơ quan trên có trách nhiệm có ý kiến thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan cử thành viên tham gia theo các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều này. Đối với các thành viên Hội đồng thẩm định không thuộc các cơ quan được nêu tại khoản 2 Điều này, chức năng nhiệm vụ thẩm định căn cứ theo Kế hoạch thẩm định được phê duyệt.

Điều 9. Trình quyết định chủ trương đầu tư dự án

Đơn vị chuẩn bị dự án hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8 Quy định này, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

CHƯƠNG III

LẬP, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI, BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT; PHÊ DUYỆT DỰ ÁN PPP

Điều 10. Đơn vị được giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật

1. Đơn vị được giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật được xác định tại quyết định chủ trương đầu tư dự án.

2. Trong trường hợp quyết định chủ trương đầu tư dự án không xác định đơn vị được giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án không thuộc trường hợp lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Đối với trường hợp do cơ quan nhà nước lập: Sở Tài chính là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật cho Ban Quản lý chuyên ngành PPP.

b) Đối với trường hợp do nhà đầu tư đề xuất: thực hiện tương tự quy định tại Điều 5 Quy định này.

Điều 11. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP, báo cáo kinh tế - kỹ thuật (không bao gồm dự án BT thanh toán bằng quỹ đất và dự án BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước)

1. Nhiệm vụ thẩm định

a) Dự án có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm A theo quy định pháp luật về Đầu tư công: Cơ quan chuyên môn PPP tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng thẩm định, do cơ quan chuyên môn PPP làm thường trực Hội đồng thẩm định;

b) Dự án có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, C theo quy định pháp luật về Đầu tư công: Cơ quan chuyên môn PPP là cơ quan thẩm định;

2. Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp, có ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tương ứng với các nội dung thẩm định theo Mẫu số 03 (Mẫu thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật) Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 243/2025/NĐ-CP, bao gồm các nội dung sau:

a) Sự phù hợp với căn cứ pháp lý (trường hợp có nội dung thay đổi so với báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư): Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Tư pháp.

b) Sự cần thiết đầu tư dự án (trường hợp có nội dung thay đổi so với báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư):

- Quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Sự cần thiết đầu tư dự án: Cơ quan chuyên môn PPP;

- Tác động của việc thực hiện dự án đối với cộng đồng, dân cư trong phạm vi dự án: Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Sự phù hợp của các mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể với hiện trạng của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương hoặc khả năng giải quyết các vấn đề mà cộng đồng dân cư yêu cầu: Cơ quan chuyên môn PPP, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Lợi thế của việc đầu tư dự án theo phương thức PPP so với các hình thức đầu tư khác: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

- Mức độ ảnh hưởng của các dự án có liên quan: Cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án.

c) Tính khả thi của dự án: Cơ quan chuyên môn PPP.

d) Thẩm định tính khả thi về mặt kỹ thuật (không áp dụng đối với dự án PPP ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ

trong trường hợp dự án do cơ quan có thẩm quyền lập báo cáo nghiên cứu khả thi):

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật (xem xét sự phù hợp của phương án kỹ thuật, công nghệ với quy mô, công suất của dự án, các tiêu chuẩn, định mức và yêu cầu kỹ thuật đầu vào; tính sẵn có và khả năng ứng dụng thực tiễn của công nghệ được lựa chọn; tính rõ ràng, đầy đủ của việc xác định các rủi ro kỹ thuật chính, tính hợp lý của phương án giảm thiểu các rủi ro đó; tính khả thi của các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật): Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Khoa học và Công nghệ;

- Trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư công làm vốn hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, xem xét sự phù hợp của thuyết minh về các yêu cầu kỹ thuật dẫn đến phương thức quản lý và sử dụng phần vốn này (tiểu dự án hoặc hạng mục): Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn về xây dựng;

- Thiết kế cơ sở đối với dự án có cấu phần xây dựng: cơ quan chuyên môn về xây dựng;

- Thiết kế cơ sở đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Cơ quan chuyên môn PPP;

- Các yếu tố đầu vào cung ứng cho dự án (xem xét sự phù hợp của khả năng cung cấp nguyên liệu đầu vào chủ yếu cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án, căn cứ quy mô, công suất theo phân kỳ đầu tư (nếu có): Cơ quan chuyên môn PPP;

- Các yếu tố đầu ra của dự án (xem xét sự phù hợp của các yếu tố đầu ra với quy mô, công suất, nhu cầu sử dụng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm, dịch vụ công cung cấp; xem xét tính phù hợp của các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án được trình bày trong BCNCKT): Cơ quan chuyên môn PPP;

đ) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (trường hợp có nội dung thay đổi so với báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư):

- Đóng góp của dự án cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (xem xét tính hợp lý của các nhóm yếu tố chi phí, lợi ích về mặt kinh tế - xã hội và các chỉ tiêu kinh tế (Giá trị hiện tại ròng kinh tế - ENPV; tỷ số lợi ích trên chi phí về kinh tế - BCR; tỷ suất nội hoàn kinh tế - EIRR): Sở Tài chính;

- Tác động của dự án đối với môi trường: Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Tác động của dự án đối với xã hội (xem xét sự phù hợp của các tác động được thuyết minh trong BCNCKT đối với các nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội, cộng đồng địa phương, những nhóm đối tượng thiệt thòi không có khả năng chi trả giá hoặc phí đối với sản phẩm, dịch vụ công của dự án như: phụ nữ,

người nghèo, người tàn tật...): Cơ quan chuyên môn PPP, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Tác động của dự án đối với quốc phòng, an ninh (nếu có): Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Công an Thành phố;

e) Tính khả thi về mặt tài chính

- Đánh giá tính hợp lý của các yếu tố tài chính đầu vào, các chỉ tiêu tài chính (Giá trị hiện tại ròng tài chính - NPV; tỷ suất nội hoàn tài chính - IRR) và phương án tài chính sơ bộ của dự án: Sở Tài chính.

- Vốn nhà nước tham gia trong dự án:

- + Xem xét sự phù hợp của giá trị phần vốn, số vốn được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với vốn đầu tư công: Sở Tài chính;

- + Sự phù hợp của giá trị và mục đích sử dụng tài sản công được xác định trong quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công hoặc vốn từ nguồn thu để lại từ hoạt động cung cấp dịch vụ công để thanh toán cho nhà đầu tư hoặc kế hoạch vốn, dự toán chi đối với vốn từ nguồn chi thường xuyên, phương thức, kế hoạch và tiến độ giải ngân cho nhà đầu tư: Sở Tài chính;

- + Xem xét khả năng bảo đảm không dẫn đến các khoản nợ tài chính ngoài dự kiến cho phía Nhà nước: Sở Tài chính.

- Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư; nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn để xử lý rủi ro từ dự phòng ngân sách trung ương hay địa phương theo quyết định chủ trương đầu tư: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính.

g) Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án (trường hợp có nội dung thay đổi so với báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư):

- Nguồn thu và khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

- Thời gian hoàn vốn và thời hạn hợp đồng dự án: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

- Tính hợp lý trong việc phân chia trách nhiệm của các bên trong quá trình triển khai dự án: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Tư pháp;

- Các rủi ro chính của dự án được xác định đầy đủ và phù hợp trong các kịch bản tài chính: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính;

- Khả năng xảy ra các rủi ro và mức độ ảnh hưởng đối với dự án được xác định cụ thể và phù hợp: Cơ quan chuyên môn PPP;

- Các biện pháp giảm thiểu rủi ro được xác định phù hợp: Cơ quan chuyên môn PPP.

h) Sự phù hợp của nội dung về lựa chọn nhà đầu tư:

- Đấu thầu rộng rãi trong nước, quốc tế: Cơ quan chuyên môn PPP; Sở Tài chính, Sở Tư pháp;

- Đàm phán cạnh tranh theo quy định tại Điều 38 của Luật PPP: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Tư pháp;

- Chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Luật PPP (nếu có): Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Tư pháp;

- Lựa chọn nhà đầu tư theo trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật PPP (nếu có): Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Tư pháp;

i) Sự phù hợp của kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án (trường hợp có nội dung thay đổi so với báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư): Cơ quan chuyên môn PPP.

k) Tính khả thi của phương án thu xếp vốn của nhà đầu tư (đối với dự án PPP quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật PPP): Sở Tài chính.

l) Sự phù hợp của nội dung dự thảo hợp đồng (đối với dự án PPP quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật PPP): Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Tài chính, Sở Tư pháp.

3. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan chuyên môn PPP lấy ý kiến các cơ quan khác có liên quan ngoài các cơ quan nêu tại khoản 2 Điều này

4. Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, thành viên Hội đồng thẩm định thuộc các cơ quan trên có trách nhiệm có ý kiến thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan cử thành viên tham gia theo các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều này. Đối với các thành viên Hội đồng thẩm định không thuộc các cơ quan được nêu tại khoản 2 Điều này, chức năng nhiệm vụ thẩm định căn cứ theo Kế hoạch thẩm định được phê duyệt.

Điều 12. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án BT thanh toán bằng quỹ đất và dự án BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước:

1. Nhiệm vụ thẩm định

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy định này.

2. Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp, có ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án BT theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 257/2025/NĐ-CP:

a) Căn cứ pháp lý và sự cần thiết đầu tư: Cơ quan chuyên môn PPP; Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường;

b) Yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của công trình dự án BT. Việc thẩm định các nội dung về hồ sơ thiết kế, kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan: Cơ quan chuyên môn PPP, Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan chuyên môn về xây dựng;

c) Tổng mức đầu tư công trình dự án BT được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng trên cơ sở phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của công trình dự án BT; lãi vay sau giai đoạn xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư thực hiện dự án BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Cơ quan chuyên môn về xây dựng;

d) Phương thức thanh toán cho nhà đầu tư, gồm những nội dung: nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (trường hợp thanh toán từ nguồn vốn đầu tư công); vị trí, diện tích của quỹ đất, tài sản công dự kiến đấu giá (trường hợp thanh toán từ nguồn thu được sau đấu giá): Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường;

đ) Hiệu quả kinh tế - xã hội: Cơ quan chuyên môn PPP; Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 13. Khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư

Căn cứ tình hình chuẩn bị dự án, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố giao Ban quản lý chuyên ngành PPP đăng tải thông báo khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư; tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 14. Trình phê duyệt dự án PPP

Đơn vị chuẩn bị dự án hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định tại khoản 1 Điều 11 Quy định này, gửi Cơ quan chuyên môn PPP để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định đầu tư.

CHƯƠNG IV

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ, ĐÀM PHÁN, HOÀN THIỆN

VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP

Điều 15. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong lựa chọn nhà đầu tư

1. Đơn vị được Ủy ban nhân dân Thành phố giao làm bên mời thầu: Ban quản lý chuyên ngành PPP.

2. Đơn vị thẩm định lựa chọn nhà đầu tư:

a) Sở Tài chính đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp bên mời thầu được ủy quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu thành lập tổ thẩm định hoặc giao nhiệm vụ cho một đơn vị trực thuộc để tổ chức thẩm định.

Điều 16. Đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng dự án

1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu chủ trì, phối hợp với Cơ quan chuyên môn PPP và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành đàm phán, hoàn thiện dự thảo hợp đồng dự án PPP theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền Cơ quan chuyên môn PPP làm cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố trong vòng 60 tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực.

3. Cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền làm cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP tại khoản 2, khoản 3 Điều này có trách nhiệm công khai thông tin hợp đồng dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 54 của Nghị định số 243/2025/NĐ-CP.

CHƯƠNG V

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Điều 17. Tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án PPP

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan Trung ương, cơ quan khác, doanh nghiệp dự án PPP tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng nhiệm vụ của chính quyền địa phương theo quy định pháp luật về đất đai để tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư đối với các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án trên địa bàn.

3. Cơ quan ký kết hợp đồng phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và các cơ quan liên quan trong công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định tại hợp đồng dự án và quy định pháp luật; kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư báo cáo cấp có thẩm quyền để giải quyết kịp thời những nội dung liên quan theo quy định tại pháp luật về đất đai.

Điều 18. Điều chỉnh chủ trương, điều chỉnh dự án PPP

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có liên quan trong việc lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8 Quy định này.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có liên quan trong việc lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tại Điều 11, 12 Quy định này.

Điều 19. Dừng, chấm dứt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án trước khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

1. Đối với dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án nhưng không thực hiện, phải dừng, chấm dứt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án hoặc thực hiện chuyển đổi phương thức đầu tư (trước khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư) thì thực hiện như sau:

a) Cơ quan chủ trì thẩm định hoặc cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định trước đó tiếp tục chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

b) Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định thì Sở Tài chính chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

2. Trường hợp cần thiết cơ quan nêu tại khoản 1 Điều này báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định thành lập Nhóm Công tác liên ngành để tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Điều 20. Chấm dứt Hợp đồng dự án PPP

Cơ quan ký kết hợp đồng dự án chịu trách nhiệm:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định chấm dứt, đình chỉ hợp đồng dự án PPP đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố khi phát hiện có hành vi vi phạm hợp đồng hoặc quy định của Luật PPP và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn:

a) Trường hợp nhận thấy có căn cứ chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật PPP, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, trong đó nêu rõ nguyên nhân, điều kiện, quyền và nghĩa vụ đã thực hiện, quyền và nghĩa vụ chưa thực hiện, phương án xử lý đối với việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; xem xét, chấp thuận phương án xử lý tài chính, quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên trong trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án PPP theo quy định tại Điều 52 Luật PPP.

b) Tổ chức thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP.

Điều 21. Giám sát hoạt động đầu tư theo phương thức PPP

1. Cơ quan được ủy quyền ký hợp đồng thực hiện nội dung giám sát của cơ quan ký hợp đồng nêu tại khoản 1, 2 Điều 72 Nghị định 243/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn PPP thực hiện nội dung giám sát của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều 72 Nghị định 243/2025/NĐ-CP.

3. Sở Tài chính thực hiện nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức PPP quy định tại khoản 1 Điều 72 Nghị định 243/2025/NĐ-CP.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Quy định chuyển tiếp

1. Các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân Thành phố giao, ủy quyền giải quyết các công việc hoặc ký kết hợp đồng các dự án PPP trước ngày Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các văn bản đã giao, ủy quyền hoặc tiếp tục thực hiện vai trò của bên ký kết hợp đồng, trừ khi quy định pháp luật hiện hành có quy định khác.

2. Đối với các dự án đã giao nhiệm vụ cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ lập báo cáo tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật mà có nội dung khác so với nguyên tắc xác định nêu tại Điều 6, Điều 10 quy định này: Sở Tài chính là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình tự, thủ tục thẩm định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan thông tin, báo cáo về Sở Tài chính.

3. Sở Tài chính là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Quy định này, làm đầu mối tập hợp các khó khăn, vướng mắc và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật chuyên ngành.

5. Khi các quy định được viện dẫn để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.